

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10.1

Các môn lựa chọn: Vật lí, Tin, Mỹ thuật, Công nghệ KT

Chuyên đề học tập: Toán, Vật lý, Tin học

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	Nguyễn Phước Quý Chương	03/10/2010	Nam	
2	Lê Tấn Dũng	03/11/2010	Nam	
3	Nguyễn Ngọc Trí Dũng	25/09/2010	Nam	
4	Trịnh Quang Dũng	29/10/2010	Nam	
5	Nguyễn Phước Yên Đan	06/04/2010	Nữ	
6	Nguyễn Quang Đạt	17/10/2010	Nam	
7	Trương Quốc Đạt	01/01/2010	Nam	
8	Phan Trần Khánh Hà	02/09/2010	Nữ	
9	Lê Hoàng	29/09/2010	Nam	
10	Phạm Phú Bảo Hoàng	21/04/2010	Nam	
11	Nguyễn Thanh Hùng	06/03/2010	Nam	
12	Hoàng Nguyễn Minh Huy	02/03/2010	Nam	
13	Nguyễn Khắc Huy	18/09/2010	Nam	
14	Hoàng Nhân Kiệt	07/06/2010	Nam	
15	Lê Nhuận Khang	14/01/2010	Nam	
16	Trần Nguyễn Bảo Khang	17/05/2010	Nam	
17	Lý Đăng Khoa	14/01/2010	Nam	
18	Trần Phước Anh Khôi	19/09/2010	Nam	
19	Nguyễn Thị Tường Lam	28/8/2010	Nữ	
20	Lương Trí Lâm	01/01/2010	Nam	
21	Võ Lê Hoàng Long	11/10/2010	Nam	
22	Ngô Trần Phương Minh	07/01/2010	Nam	
23	Nguyễn Đình Minh	22/12/2010	Nam	
24	Nguyễn Văn Nam	22/01/2010	Nam	
25	Trần Như Ánh Ngọc	30/03/2010	Nữ	
26	Võ Thị Minh Ngọc	10/08/2010	Nữ	
27	Lâm Phúc Nguyễn	27/12/2010	Nam	
28	Phạm Tùng Nguyễn	29/10/2010	Nam	
29	Trần Đình Nguyễn	12/09/2010	Nam	
30	Nguyễn Lê Anh Nhân	09/05/2010	Nam	
31	Trần Huỳnh Minh Nhật	19/01/2010	Nam	
32	Nguyễn Thái Ngọc Nhi	14/01/2010	Nữ	
33	Nguyễn Thị Quỳnh Như	04/09/2010	Nữ	
34	Trần Ngọc Uyên Như	18/08/2010	Nữ	
35	Đỗ Nguyễn Hoàng Phúc	17/02/2010	Nam	
36	Nguyễn Hữu Thanh Sơn	27/01/2010	Nam	
37	Lưu Ngọc Khánh Tâm	24/12/2010	Nữ	
38	Thi Lý Hoàng Thịnh	19/03/2010	Nam	
39	Nguyễn Trần Anh Thư	08/02/2010	Nữ	
40	Phan Lê Anh Thư	16/10/2010	Nữ	
41	Nguyễn Phương Thy	02/11/2010	Nữ	
42	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	01/12/2010	Nữ	
43	Hồ Tường Vi	14/08/2010	Nữ	
44	Đỗ Duy Vinh	23/01/2010	Nam	

Danh sách này có 44 học sinh./.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10.2
Các môn lựa chọn: Vật lí, Tin, Mỹ thuật, Công nghệ KT
Chuyên đề học tập: Toán, Vật lý, Tin học

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc An	17/06/2010	Nam	
2	Huỳnh Văn Anh	02/02/2010	Nữ	
3	Hồ Tuấn Cường	01/06/2010	Nam	
4	Lê Nguyễn Hoàng Châu	11/03/2010	Nữ	
5	Trà Linh Châu	29/06/2010	Nữ	
6	Hoàng Mai Chi	18/08/2010	Nữ	
7	Ngô Tấn Dũng	17/10/2010	Nam	
8	Lê Nguyễn Việt Đức	19/06/2010	Nam	
9	Hồ Tấn Hải	27/11/2010	Nam	
10	Nguyễn Công Hiếu	20/09/2010	Nam	
11	Huỳnh Lê Hoàng Huy	01/01/2010	Nam	
12	Thái Đình Huy	03/03/2010	Nam	
13	Đặng Gia Hưng	02/01/2010	Nam	
14	Đoàn Ngọc Hưng	06/03/2010	Nam	
15	Lê Phú Hưng	06/12/2010	Nam	
16	Trần Như Hưng	04/04/2010	Nam	
17	Đặng Ngọc Gia Khánh	18/08/2010	Nam	
18	Lê Trần Anh Khôi	28/07/2010	Nam	
19	Nguyễn Tinh Khôi	02/06/2010	Nam	
20	Châu Gia Kiệt	25/10/2010	Nam	
21	Nguyễn Hoàng Lân	02/05/2010	Nam	
22	Nguyễn Công Hải Long	16/07/2010	Nam	
23	Đỗ Phúc Minh	30/06/2010	Nam	
24	Bùi Hữu Hoàng Nam	04/06/2010	Nam	
25	Kiều Nguyễn Bảo Ngọc	28/10/2010	Nữ	
26	Nhan Lê Ngọc	08/09/2010	Nữ	TT
27	Võ Nguyễn Bảo Ngọc	23/02/2010	Nữ	
28	Hồ Thuận Phát	14/10/2010	Nam	
29	Phạm Hữu Phú	11/08/2010	Nam	
30	Nguyễn Thanh Phong	29/05/2010	Nam	
31	Phạm Ngọc Uyên Phương	28/01/2010	Nữ	
32	Trần Minh Quân	06/08/2010	Nam	
33	Mai Khánh Quỳnh	18/11/2010	Nữ	
34	Trần Lê Quang Thái	05/09/2010	Nam	
35	Nguyễn Nho Thiện	08/03/2010	Nam	
36	Nguyễn Viết Anh Thư	14/08/2010	Nữ	
37	Trần Nhã Ánh Trâm	01/04/2010	Nữ	
38	Đinh Huy Trung	07/07/2009	Nam	TT
39	Đoàn Ngọc Bảo Uy	02/12/2010	Nam	
40	Trần Hồ Phương Uyên	15/04/2010	Nữ	
41	Trương Nguyễn Thị Tường Vy	21/11/2010	Nữ	
42	Vũ Lâm Khánh Vy	15/03/2010	Nữ	

Danh sách này có 42 học sinh./.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10.3

Các môn lựa chọn: Hoá học, Vật lý, Sinh học, Âm nhạc, Công nghệ NN

Chuyên đề học tập: Toán học, Hoá học, Sinh học, Vật lý

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Thanh Bình	26/09/2010	Nam	
2	Tô Khánh Chi	03/09/2010	Nữ	
3	Hoàng Vũ Minh Đức	06/11/2010	Nam	
4	Trần Ngân Hà	11/12/2010	Nữ	
5	Hồng Hiếu Hân	15/06/2010	Nữ	
6	Hoàng Ngọc Lan	12/08/2010	Nữ	
7	Trần Hoàng Thanh Lâm	17/10/2010	Nam	
8	Trương Nguyễn Phương Linh	11/08/2010	Nữ	
9	Lê Trần Minh Long	30/01/2010	Nam	
10	Đinh Huỳnh Phương	19/10/2010	Nữ	
11	Lê Trần Thanh Trúc	30/10/2010	Nữ	
12	Nguyễn Hoàng Khánh Uyên	27/01/2010	Nữ	
13	Phạm Minh Anh	23/02/2010	Nữ	
14	Nguyễn Hữu Tiến	18/12/2010	Nam	
15	Cao Trần Nhật Ánh	02/05/2010	Nữ	
16	Đỗ Huỳnh Nguyên Bảo	20/04/2010	Nam	
17	Nguyễn Song Phương Hà	10/12/2010	Nữ	
18	Cao Gia Hân	10/10/2010	Nữ	
19	Võ Đặng Gia Hân	08/08/2010	Nữ	
20	Đặng Hữu Huy	20/03/2010	Nam	
21	Hoàng Quốc Huy	19/01/2010	Nam	
22	Võ Đình Minh Hưng	23/09/2010	Nam	
23	Nguyễn Anh Kiệt	18/05/2010	Nam	
24	Nguyễn Gia Khang	14/10/2010	Nam	
25	Phan Phú Khánh	13/10/2010	Nam	
26	Nguyễn Huy Khoa	05/07/2010	Nam	
27	Nguyễn Ngô Anh Khoa	03/11/2010	Nam	
28	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	15/10/2010	Nữ	
29	Trương Công Minh	01/07/2010	Nam	
30	Ngô Văn Bảo Nguyên	14/01/2010	Nam	
31	Từ Dương Bảo Nguyên	20/06/2010	Nữ	
32	Quản Trọng Nhân	04/01/2010	Nam	
33	Đặng Vũ Minh Quân	11/06/2010	Nam	
34	Huỳnh Tề Tâm	18/02/2010	Nam	
35	Ngô Thiện Tâm	19/07/2010	Nam	
36	Lê Hữu Tú	02/08/2010	Nam	
37	Mai Văn Anh Tuấn	15/12/2010	Nam	
38	Nguyễn Đức Tuấn	03/06/2010	Nam	
39	Huỳnh Đức Thành	13/06/2010	Nam	
40	Nguyễn Dạ Thanh Thảo	06/07/2010	Nữ	
41	Bùi Quốc Thắng	10/03/2010	Nam	
42	Ngô Bảo Trí	04/03/2010	Nam	
43	Đinh Như Xuân Vũ	10/03/2010	Nam	
44	Hồ Trần Yến Vy	30/07/2010	Nữ	

Danh sách này có 44 học sinh./.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10.4
Các môn lựa chọn: Địa lí, Vật lí, GDKT&PL + Công nghệ KT
Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lí

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	Đỗ Nguyễn Thái An	20/09/2010	Nữ	
2	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	11/12/2010	Nữ	
3	Lâm Bảo Châu	14/01/2010	Nữ	
4	Nguyễn Thị Quế Chi	07/01/2010	Nữ	
5	Nguyễn Sơn Chương	16/10/2010	Nam	
6	Ngô Trà Giang	29/12/2010	Nữ	
7	Lê Trịnh Ngọc Hân	17/10/2010	Nữ	
8	Đỗ Trần Minh Hiếu	18/09/2010	Nam	
9	Lê Anh Hiếu	14/08/2010	Nam	
10	Đặng Xuân Hoà	17/02/2010	Nam	
11	Châu Ngọc Huy	12/01/2010	Nam	
12	Trần Nam Huyền	12/02/2010	Nữ	
13	Đỗ Phạm Phương Khanh	16/04/2010	Nữ	
14	Nguyễn Lê Huyền Linh	18/06/2010	Nữ	
15	Nguyễn Ngọc Linh	07/08/2010	Nữ	
16	Võ Khánh Linh	06/11/2010	Nam	
17	Nguyễn Phương Ly	19/09/2010	Nữ	
18	Lê Thủy Bảo Ngọc	14/08/2010	Nữ	
19	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	23/01/2010	Nữ	
20	Bùi Thị Bảo Nhi	03/09/2010	Nữ	
21	Nguyễn Mai Uyên Nhi	10/05/2010	Nữ	
22	Phạm Thị Hoàng Nhi	24/03/2010	Nữ	
23	Trần Ngọc Yên Nhiên	24/07/2010	Nữ	
24	Kiều Ngọc Bảo Như	31/01/2010	Nữ	
25	Nguyễn Hồng Phúc	05/03/2010	Nữ	
26	Lê Minh Quang	01/01/2010	Nam	
27	Trần Anh Quang	14/12/2010	Nam	
28	Lê Thị Như Quỳnh	02/05/2010	Nữ	
29	Võ Thị Khánh Quỳnh	25/01/2010	Nữ	
30	Đoàn Vũ Phương Thảo	16/07/2010	Nữ	
31	Trần Như Thảo	21/03/2010	Nữ	
32	Nguyễn Thanh Thủy	13/06/2010	Nữ	
33	Trần Anh Thư	07/08/2010	Nữ	
34	Trần Nguyễn Minh Thư	07/05/2010	Nữ	
35	Đỗ Hoàng Bảo Thy	25/09/2010	Nữ	
36	Phan Thị Khánh Trang	21/10/2010	Nữ	
37	Trần Hiền Trâm	10/07/2010	Nữ	
38	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	27/02/2010	Nữ	
39	Trần Hoàng Thư Trúc	21/05/2010	Nữ	
40	Bùi Bảo Uyên	20/03/2010	Nữ	
41	Huỳnh Thiều Tổ Uyên	05/03/2010	Nữ	

Danh sách này có 41 học sinh./.



Trần Thị Kim Vân

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10.5

Các môn lựa chọn: Địa lí, Vật lí, GDKT&PL + Công nghệ KT

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lí

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	Nguyễn Quỳnh An	09/08/2010	Nữ	
2	Phạm Thái An An	10/06/2010	Nữ	
3	Đỗ Quỳnh Anh	12/11/2010	Nữ	
4	Huỳnh Trần Ngọc Anh	06/01/2010	Nữ	
5	Phan Đức Anh	04/09/2010	Nam	
6	Vũ Hà Anh	17/10/2010	Nữ	
7	Nguyễn Hữu Châu	18/04/2010	Nam	
8	Nguyễn Lê Lam Giang	16/01/2010	Nữ	
9	Võ Nguyên Gia Hạnh	24/11/2010	Nữ	
10	Trần Thị Thanh Hiền	08/07/2010	Nữ	
11	Nguyễn Đăng Nguyên Khang	12/05/2010	Nam	
12	Lê Thái Anh Khoa	22/01/2010	Nam	
13	Trần Đăng Khôi	08/12/2010	Nam	
14	Trà Minh Khuê	21/06/2010	Nữ	
15	Lê Văn Uy Lâm	18/03/2010	Nam	
16	Nguyễn Khánh Linh	19/05/2010	Nữ	
17	Trần Hoài Uy Linh	22/12/2010	Nữ	
18	Nguyễn Lê Quang Long	16/06/2010	Nam	
19	Nguyễn Việt Long	02/10/2010	Nam	
20	Nguyễn Đức Mẫn	21/02/2010	Nam	
21	Nguyễn Hải Khôi Nguyên	07/01/2010	Nam	
22	Phạm Hoàng Khánh Nguyên	03/01/2010	Nữ	
23	Nguyễn Trần Hân Nhi	12/02/2010	Nữ	
24	Phan Ngọc Tuyết Nhi	09/09/2010	Nữ	
25	Đặng Nguyễn Quỳnh Như	07/12/2010	Nữ	
26	Hồ Tấn Phát	23/10/2010	Nam	
27	Nguyễn Hoàng Linh Phi	10/09/2010	Nữ	
28	Trương Hoàng Đỗ Quyên	21/10/2010	Nữ	
29	Nguyễn Ngọc Hương Quỳnh	23/12/2010	Nữ	
30	Nguyễn Thanh Phương Quỳnh	04/05/2010	Nữ	
31	Nguyễn Hoàng Thuý Sa	09/02/2010	Nữ	
32	Huỳnh Thị Minh Thuý	24/09/2010	Nữ	
33	Lê Nguyễn Kim Thư	23/05/2010	Nữ	
34	Nguyễn Bách Song Thư	12/09/2010	Nữ	
35	Trần Anh Thư	10/11/2010	Nữ	
36	Lê Ngô Thuý Trang	29/03/2010	Nữ	
37	Võ Thị Thuý Trâm	14/01/2010	Nữ	
38	Dương Huyền Trân	01/02/2010	Nữ	
39	Lê Nguyễn Hoàng Yến	28/12/2010	Nữ	

Danh sách này có 39 học sinh./.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Kim Vân